

Số: 336/QĐ-THS1QN

Quài Nura, ngày 09 tháng 05 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố công khai bổ sung dự toán tiền thưởng năm 2025  
của Trường TH số 1 Quài Nura**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TH SỐ 1 QUÀI NỪA**

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;*

*Căn cứ vào thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;*

*Căn cứ Quyết định số 118/QĐ-PGD&ĐT ngày 08/05/2025 Phòng giáo dục và đào tạo về việc bổ sung dự toán tiền thưởng năm 2025;*

*Xét đề nghị của bộ phận tài chính;*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2025 của trường TH số 1 Quài Nura. *(theo biểu đính kèm)*

**Điều 2.** Quyết định này được niêm yết tại trụ sở làm việc của cơ quan từ ngày 09/05/2025 đến 30/05/2025 và công bố tại cuộc họp hội đồng nhà trường.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Trường TH số 1 Quài Nura và các bộ phận có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Trường TH số 1 Quài Nura;
- Các bộ phận;

**KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



**Trần Thị Thủy Vân**

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC BỔ SUNG NĂM 2025

Kèm theo Quyết định số ..../QĐ-THS1QN ngày 09/05/2025 của HT trường TH số 1 Quài Nưa)

Đơn vị tính: Đồng

| Số TT | Nội dung                                         | Dự toán được giao |
|-------|--------------------------------------------------|-------------------|
| 1     | 2                                                | 3                 |
| A     | Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí      | 0                 |
| I     | Số thu phí, lệ phí                               | 0                 |
| 1     | Lệ phí                                           | 0                 |
| 2     | Phí                                              | 0                 |
| 3     | Thu SXKD, dịch vụ                                | 0                 |
| II    | Chi từ nguồn thu phí được để lại                 | 0                 |
| 1     | Chi sự nghiệp                                    | 0                 |
| a     | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                   | 0                 |
| b     | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên             | 0                 |
| 2     | Chi quản lý hành chính                           | 0                 |
| a     | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ                 | 0                 |
| b     | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ           | 0                 |
| 3     | Chi SXKD, dịch vụ                                | 0                 |
| III   | Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước            | 0                 |
| 1     | Lệ phí                                           | 0                 |
| 2     | Phí                                              | 0                 |
| B     | Dự toán chi ngân sách nhà nước                   | 264.940.000       |
| I     | Nguồn ngân sách trong nước                       | 264.940.000       |
| 1     | Chi quản lý hành chính                           | 0                 |
| 2     | Chi sự nghiệp khoa học công nghệ                 | 0                 |
| 3     | Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề      | 264.940.000       |
| 3.1   | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                   | 264.940.000       |
|       | Quyết định số 118 ngày 08/05/2025                | 264.940.000       |
|       | 7799: Giao bổ sung dự toán tiền thưởng năm 2025  | 264.940.000       |
| 3.2   | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên             | 0                 |
| 4     | Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình           | 0                 |
| 5     | Chi đảm bảo xã hội                               | 0                 |
| 6     | Chi hoạt động kinh tế                            | 0                 |
| 7     | Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường                  | 0                 |
| 8     | Chi sự nghiệp văn hóa thông tin                  | 0                 |
| 9     | Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn | 0                 |
| 10    | Chi sự nghiệp thể dục thể thao                   | 0                 |
| II    | Nguồn vốn viện trợ                               | 0                 |
| 1     | Chi quản lý hành chính                           | 0                 |
| 2     | Chi sự nghiệp khoa học công nghệ                 | 0                 |

| Số TT | Nội dung                                         | Dự toán được giao |
|-------|--------------------------------------------------|-------------------|
| 1     | 2                                                | 3                 |
| 3     | Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề      | 0                 |
| 4     | Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình           | 0                 |
| 5     | Chi đảm bảo xã hội                               | 0                 |
| 6     | Chi hoạt động kinh tế                            | 0                 |
| 7     | Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường                  | 0                 |
| 8     | Chi sự nghiệp văn hóa thông tin                  | 0                 |
| 9     | Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn | 0                 |
| 10    | Chi sự nghiệp thể dục thể thao                   | 0                 |
| II    | Nguồn vay nợ nước ngoài                          | 0                 |
| 1     | Chi quản lý hành chính                           | 0                 |
| 2     | Chi sự nghiệp khoa học công nghệ                 | 0                 |
| 3     | Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề      | 0                 |
| 4     | Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình           | 0                 |
| 5     | Chi đảm bảo xã hội                               | 0                 |
| 6     | Chi hoạt động kinh tế                            | 0                 |
| 7     | Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường                  | 0                 |
| 8     | Chi sự nghiệp văn hóa thông tin                  | 0                 |
| 9     | Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn | 0                 |
| 10    | Chi sự nghiệp thể dục thể thao                   | 0                 |

Quài Nưa, ngày 09 tháng 05 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị

(Chữ ký, dấu)



Trần Thị Thủy Vân